

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 82****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang tám mươi tám, dòng thứ ba đếm từ dưới lên.

“*Chánh thích kinh nghĩa*” (chính thức giải thích ý nghĩa kinh văn), đây là phần lớn thứ ba trong [bản Chú Giải] kinh này, chính thức giải thích ý nghĩa trong kinh văn. “*Tiền minh toàn kinh cương tông*” (trong phần trên, đã nói về cương lĩnh và tông chỉ của cả kinh), nêu cương lĩnh và tông chỉ, “*dữ kinh đề tổng nghĩa*” (và ý nghĩa tổng quát của tựa đề kinh). “*Cẩn dĩ cục tâm hạn lượng chi ngôn, lược chương Tịnh Tông vô tận chi diệu*” (kính cẩn dùng cái tâm hạn hẹp để phô bày đại lược sự mâu nhiệm vô tận của Tịnh Tông), đây là lời khiêm hư của cụ Hoàng Niệm Tổ. “*Cục tâm hạn lượng*” ý nói: Chưa khai ngộ, tâm lượng phạm phu. Sau khi khai ngộ, tâm lượng sẽ giống như Phật, Bồ Tát, quả thật là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trọn khắp hư không, tâm lượng rộng khắp các cõi nhiều như cát). “*Cục*” (局) là có giới hạn, “*cục tâm hạn lượng*” là tâm lượng và kiến giải phạm phu. “*Lược chương Tịnh Tông*”, đây là một bộ kinh điển trọng yếu nhất trong Tịnh Tông, quả thật là vô tận diệu nghĩa. “*Tư y tiên lệ, toàn kinh phân tam*” (nay dựa theo lệ trước, chia toàn bộ kinh này thành ba phần), “*tiên lệ*” là thông lệ giảng giải kinh văn của cổ thánh tiên hiền, luôn chia một bộ kinh thành ba phần lớn, tức là ba bộ phận. Bộ phận thứ nhất gọi là Tự Phần, bộ phận thứ hai là Chánh Tông Phần, bộ phận thứ ba gọi là Lưu Thông Phần. Tự (序) là như trong các tác phẩm văn chương hiện thời, phía trước có phần Tự Luận (dẫn nhập), giữa là Chánh Thuyết (nội dung chánh yếu), sau đó là Tổng Kết, ba đoạn lớn như vậy. Trong kinh Phật, bản thân mỗi kinh có ba đoạn, thứ nhất là Tự, sau Tự là Chánh Tông, sau Chánh Tông là Lưu Thông, [phần này] cũng gần như quá nửa là đức Phật dặn dò chúng ta nên thực hiện nghĩa lý, giáo huấn và cảnh giới của bộ kinh này như thế nào trong cuộc sống hằng ngày, nâng cao chính mình, thậm chí thực hiện trong công việc, trong toàn bộ công tác. Đây là dạy quý vị sau khi chính mình đã thành tựu, còn phải tạo ảnh hưởng người khác, mong cho người khác cũng có thể tu học, cùng nâng cao cảnh giới giống như chính mình. Đây là Lưu Thông Phần.

“*Ngẫu Ích đại sư viết: Tự như thủ, ngữ quan câu tồn. Chánh Tông như thân, phủ tạng vô khuyết. Lưu Thông như thủ túc, vận hành bất trệ*” (Ngẫu Ích đại sư nói: “Tự như đầu, ngữ quan đầy đủ. Chánh Tông như thân, phủ tạng chẳng thiếu, Lưu Thông như chân tay, vận hành không trệ ngại”). Thuở tại thế, suốt đời Ngẫu Ích đại sư cũng giảng kinh giáo học. Ngẫu Ích đại sư là người xuất gia thuở trước, sống vào những năm cuối triều Minh và những năm đầu triều Thanh. Ngài sống vào cuối đời Minh, viên tịch trong đời Thanh, là tổ sư đời thứ chín của Tịnh Độ Tông. Trước tác vô cùng phong phú, tuy tuổi tác chẳng cao lắm, sáu mươi mấy tuổi đã viên tịch, nhưng Ngài lưu lại trước tác vô cùng phong phú,

đúng là trước tác suốt cả đời. Đối với chuyện giải thích kinh chia thành ba phần, Ngài đã nêu thí dụ, dùng con người chúng ta làm tỷ dụ: Tụ Phần giống đầu người, ngũ quan đầy đủ, vừa nhìn thấy vẻ mặt liền biết quý vị là người như thế nào. Kế đó là Chánh Tông giống như thân thể, bên trong có ngũ tạng, lục phủ. Lưu Thông Phần giống như tay chân, quý vị có thể hoạt động, có thể khởi tác dụng. Tiếp đó, cụ Niệm Tổ nói: “*Y đại sư ý, Tụ như thủ (đầu đã) chỉ kinh chi Tụ Phần do nhân chi hữu thủ. Do thủ chi ngũ quan (mi, nhãn, nhĩ, tỵ, khẩu) khả khuy kỳ nhân chi thiện, ác, trí, ngu*” (Theo ý đại sư, “Tụ như đầu” tức là Tụ Phần của kinh giống như người có đầu, từ ngũ quan (lông mày, mắt, tai, mũi, miệng) có thể biết được phần nào con người ấy là thiện hay ác, trí hay ngu), quý vị vừa nhìn liền hiểu rõ. “*Quán nhất kinh chi Tụ phẩm, tiện khả tri toàn kinh chi Đại, Tiểu, Thiên, Viên*” (Nhìn vào Tụ Phần của một bộ kinh, liền có thể biết toàn bộ bản kinh ấy là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Thiên Giáo hay Viên Giáo). Từ Tụ Phần, quý vị có thể thấy, trong Tụ Phần có ý nghĩa biểu thị pháp. Nếu quý vị hiểu, vừa nhìn vào Tụ Phần sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ [những ý nghĩa biểu thị pháp ấy]. “*Cố Tụ Phần trung, diệc tất hàm hữu thâm văn*” (Vì thế trong Tụ Phần ắt phải có những đoạn kinh văn ý nghĩa sâu xa). Điều này chẳng sai tí nào! Trong Tụ Phần chứa đựng những ý nghĩa sâu xa, quyết định chẳng khác gì Chánh Tông và Lưu Thông. “*Kim y đại sư chi chỉ, phán phân bốn kinh như hạ*” (Nay y theo ý chỉ của đại sư, phân định kinh này như sau), chia làm ba phần:

1) Phần thứ nhất từ phẩm thứ nhất tới phẩm thứ ba, đó là Tụ Phần

2) Từ phẩm thứ tư đến phẩm bốn mươi hai là Chánh Tông Phần, tức là phần diễn nói chánh yếu trong kinh này.

3) Từ phẩm bốn mươi ba đến phẩm bốn mươi tám là Lưu Thông Phần. Phần này rất dài, đều thuộc về phần Lưu Thông.

“*Kim chi tam phần, diệc chánh như ngã quốc Tịnh Ảnh, Gia Tường lưỡng gia đối bốn kinh Ngụy dịch bốn chi phán phân*” (Nay ba phần này cũng chính là cách phân định của hai vị Tịnh Ảnh và Gia Tường<sup>1</sup> của Trung Quốc đối với bản Ngụy dịch của kinh này). Quy

---

1 Gia Tường Cát Tạng (549-623) là cao tăng đời Tùy. Ngài quê ở Kim Lăng, họ An, tên Thế, tổ tiên vốn là người An Tức, về sau di cư đến Kim Lăng, nên đôi khi người ta còn gọi Ngài là Hồ Cát Tạng. Năm lên bốn tuổi, Sư theo cha yết kiến ngài Chân Đế, được ban pháp danh là Cát Tạng. Sau đây, cha Ngài xuất gia hiệu là Đạo Lượng. Sư thường theo cha đến chùa Hưng Hoàng nghe ngài Pháp Tuyên giảng Tam Luận, năm lên bảy tuổi bèn xin xuống tóc với ngài Pháp Lăng. Do ngài Pháp Lăng chuyên nghiên cứu Tam Luận giáo học, nên Sư chuyên học Trung Luận, Bách Luận và Thập Nhị Môn Luận. Năm mười chín tuổi, Sư lên giảng kinh khiến cho thính chúng kinh ngạc trước biện tài. Năm Sư ba mươi hai tuổi, ngài Pháp Lăng thị tịch, nên Sư lui về chùa Gia Tường ở Côi Khê, chuyên tâm giảng thuyết, viết sách, người hỏi đạo cả ngàn người, pháp duyên rất thịnh. Do cách sách chú giải về Tam Luận của Sư được các tăng chúng hâm mộ, nên mọi người chỉ gọi Sư bằng danh hiệu Gia Tường đại sư, chứ không gọi tên húy. Sư cũng từng viết thư thỉnh ngài Trí Khải (Trí Giả đại sư) giảng Pháp Hoa. Sư từng tự chép hai ngàn bộ kinh Pháp Hoa, tạo hai mươi lăm pho tượng Phật, cạn hết lòng thành lễ sám. Năm Vũ Đức nguyên niên (618) đời Đường Cao Tổ, triều đình tuyển chọn mười vị cao tăng để thống lãnh tăng chúng, Ngài cũng được cung thỉnh vào đó. Tháng Năm năm Vũ Đức thứ sáu (623), Sư tắm gội, thay áo mới, thắp hương, niệm Phật, viết xong tác phẩm Tử Bất Bộ Luận, rồi an tường viên tịch. Bình sinh, Sư giảng Tam Luận hơn một trăm lần, kinh Pháp Hoa ba trăm lần, giảng các kinh Đại Phẩm, Hoa Nghiêm, Duy Ma, và Đại Trí Độ Luận hơn mười lần. Trước tác phong phú, nổi tiếng nhất là các bộ Trung Quán Luận Sớ, Thập Nhị Môn Luận Sớ, Bách Luận

củ của lịch đại tổ sư đại đức đều giống nhau, nhất định chia một bộ kinh thành ba phần. Phân đoạn sớm nhất là pháp sư Đạo An, [Ngài làm như vậy] sớm nhất. Sau này, tuy các vị chú giải kinh đều chia chánh kinh thành ba phần, nhưng ba phần chia từ chỗ nào trọn chẳng giống nhau. Đó là mỗi vị có cách nhìn khác nhau, chúng ta phải chú tâm quán sát mới hiểu được điều này.

Tiếp theo đây là bộ phận thứ nhất, tức Tụ Phần: “*Hựu Tụ Phần phục phân vi nhị*” (Lại nữa, Tụ Phần lại được chia thành hai phần), trong Tụ Phần có hai khoa lớn. Thứ nhất là Thông Tụ, thứ hai là Biệt Tụ. “*Thông Tụ, hựu danh Chứng Tín Tụ, chư kinh giai cụ*” (Thông Tụ còn gọi là Chứng Tín Tụ, các kinh đều có), mở đầu hết thấy kinh đều có. “*Như Thiên Thai dĩ Gia Tường đẳng*” (như các vị Thiên Thai, Gia Tường v.v...), Thiên Thai là Trí Giả đại sư, ngài Gia Tường chú giải kinh Vô Lượng Thọ. “*Y Pháp Hoa Luận dĩ lục chủng thành tựu vi Chứng Tín Tụ. Lục thành tựu giả, Tông Mật đại sư viết*” (dựa theo Pháp Hoa Luận<sup>2</sup>, lấy sáu thứ thành tựu làm Chứng Tín Tụ. Sáu thứ thành tựu là như Tông Mật đại sư nói), Tông Mật là tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, là học trò tổ Thanh Lương. Thứ nhất là Tín, thứ hai là Văn, thứ ba là Thời, thứ tư là Chủ, thứ năm là Xứ, thứ sáu là Chúng. “*Lục duyên bất cụ, giáo tắc bất hưng*” (sáu duyên chẳng đủ, giáo pháp chẳng thể hưng khởi). Đây là nói về giáo học; giáo học nhất định phải có sáu duyên này thì mới có thể thành tựu. Thiếu một điều, giáo học sẽ chẳng thể thành tựu. Vì thế, [sáu điều ấy] gọi là Lục Chủng Thành Tựu. Sáu thứ thành tựu:

- Thứ nhất là Tín Thành Tựu, trong phần sau sẽ nói đến. Chữ “*nhu thị*” trong kinh văn là Tín Thành Tựu, nói rõ bộ kinh này quả thật do đức Phật nói, chân thật đáng tin, đó là Tín Thành Tựu.

- Thứ hai là Văn. “*Văn*” là khi tôn giả A Nan kết tập Kinh Tạng, Ngài nói: “Thích Ca Mâu Ni Phật nói kinh này, chính tôi đích thân nghe”. Chẳng phải là nghe nói lại, nên đáng tin cậy.

- Thứ ba là giảng vào thời gian nào?

- Thứ tư là do ai nói? “*Chủ*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định do đức Phật nói.

- Thứ năm, giảng ở nơi nào?

- Thứ sáu là khi giảng kinh bộ kinh này, có bao nhiêu người đang nghe?

Do vậy, sự giáo học ấy mới là viên mãn, trong đó, thiếu một điều cũng không được, giáo học cũng chẳng thể thành tựu. Vì thế, gọi là Chứng Tín. “*Dĩ chứng kinh văn, xác vi Phật thuyết, chân thật khả tín, cố danh Chứng Tín*” (Dùng sáu điều ấy để chứng thực kinh

---

Sớ, Tam Luận Huyền Nghĩa, Đại Thừa Huyền Luận, Pháp Hoa Huyền Luận, Pháp Hoa Nghĩa Sớ v.v.. Hầu như các kinh Đại Thừa quan trọng như Pháp Hoa, Niết Bàn, Thắng Man, Đại Phẩm, Kim Quang Minh, Duy Ma, Nhân Vương, Vô Lượng Thọ v.v... Ngài đều viết chú sớ.

2 Pháp Hoa Luận chính là bộ Pháp Hoa Luận Sớ của ngài Gia Tường Cát Tạng, gồm ba quyển.

văn, xác quyết đây là lời Phật dạy chân thật đáng tin; vì thế gọi là Chứng Tín). Hai phẩm đầu trong kinh này đều thuộc về Chứng Tín, phẩm thứ nhất là “*Pháp hội thánh chúng đệ nhất*”, phẩm thứ hai là “*Đức tuân Phổ Hiền đệ nhị*”. Hai phẩm này đều là Chứng Tín, cũng đều nói về sáu thứ thành tựu.

Phẩm thứ ba mới là phần Phát Khởi kinh này, “*hựu danh Phát Khởi tự*” (còn gọi là Phát Khởi Tự), đó là Biệt Tự. Chứng Tín Tự là phần đầu hết thấy các kinh văn đều có, nên gọi là Thông Tự. Tuy [kinh nào cũng] có, nhưng trong đó, quan trọng nhất là người nào tham gia, tức là nêu ra đức hiệu của các vị thượng thủ nào. Giống như nay chúng ta nhìn vào một cuộc họp, quý vị thấy những người nào tham dự, liền biết cuộc họp ấy nhằm bàn thảo vấn đề gì! Nếu hội nghị toàn là giới giáo dục, [tức là, người tham gia toàn là] các nhân sĩ thuộc giới giáo dục, các vị chủ quản giáo dục như hiệu trưởng, giáo vụ, quản giáo vụ, nhất định họ sẽ thảo luận [về đề tài] giáo dục. Nếu những người tham dự hội nghị này toàn là nhân viên tài chánh, kinh tế, mậu dịch, họ nhất định bàn về kinh tế. Do vậy, quý vị nhìn thấy người nào tham dự, sẽ biết pháp hội ấy thảo luận chuyện gì. Vì thế, trong phần Thông Tự, [nhìn vào] tên hiệu của các vị thượng thủ được liệt kê khác nhau, sẽ biết tánh chất khác biệt của bộ kinh này, thảo luận những gì. Phát Khởi Tự là “*phát khởi toàn kinh chi đoan do*” (đầu mỗi phát khởi cả bộ kinh). Vì sao đức Phật giảng bộ kinh này, trong phần Phát Khởi Tự sẽ nói rõ nguyên nhân phát khởi của cả bộ kinh này. “*Dĩ pháp bất cô khởi, khởi tất hữu do, chư kinh các biệt, cố hựu danh Biệt Tự*” (vì pháp chẳng thể tự khởi lên một mình. Phát khởi phải có duyên do. Duyên do phát khởi của các kinh khác nhau, nên lại gọi là Biệt Tự). Pháp nhất định có nguyên nhân, chẳng thể nói không có nguyên nhân nào mà sanh khởi được, quyết định là có nhân duyên. Nhân duyên phát khởi của mỗi bộ kinh khác nhau; vì thế, gọi là Biệt Tự.

“*Lệ như Tiểu Bản A Di Đà Kinh*” (chẳng hạn như Tiểu Bản A Di Đà Kinh), kinh A Di Đà được phát khởi không do ai hỏi, mà do đức Phật tự nói. Đây là chuyện như thế nào? Pháp môn này quá trọng yếu, tuy chẳng có ai khai thỉnh, không có ai thỉnh pháp, nhưng đức Phật thấy hết thấy chúng sanh duyên đã chín muồi. Duyên như thế nào sẽ được gọi là “chín muồi”? Có người nghe rồi sẽ có thể tin tưởng, lý giải, phát nguyện, nương theo phương pháp này tu hành vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy không có ai hỏi, nhưng đức Phật thấy trong đại chúng có người như vậy, cho nên chẳng cần hỏi, đức Phật tự mình nói ra. Cũng chính vì pháp môn này là pháp khó tin, nên không ai có thể hỏi. Vì sao? Phàm phu thành Phật trong một đời, ai có thể tin tưởng? Nếu quý vị nói tu hành ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp mới có thể thành tựu, sẽ có rất nhiều người tin tưởng. Phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, có thể thành Phật trong một đời, chưa hề có ai nghĩ đến vấn đề này, cho nên không có ai hỏi; nhưng đức Phật thấy trong các chúng sanh quả thật có căn cơ ấy, họ thật sự hiểu, thật sự làm, sẽ thành tựu trong một đời. Quý vị nói xem pháp môn này có thù thắng lắm hay chẳng? Pháp môn thù thắng khôn sánh, cho nên đức Phật chẳng đợi ai hỏi, tự mình nói ra. Còn bộ kinh này thì “*bổn kinh tất nhân Thế Tôn phóng quang, hiện thụy*” (kinh này do đức Thế Tôn phóng quang minh, hiện tướng lành), cuối phần Biệt Tự chúng ta có thể thấy, [đức Phật] làm như vậy để dẫn dắt tôn giả A Nan khai thỉnh, nêu câu hỏi. “*Các kinh bất đồng, cố danh Biệt Tự. Kim kinh đệ tam phẩm thuộc chi*” (Mỗi kinh chẳng giống nhau nên gọi là Biệt Tự. Phẩm thứ ba của kinh này thuộc về phần Biệt Tự), đây là Biệt Tự của bộ kinh này. Từ phẩm thứ tư trở đi là phần Chánh Tông.

Trước hết, chúng ta xem đoạn lớn thứ nhất giảng về Thông Tự, “*Pháp hội thánh chúng đệ nhất*”, trong đây bao hàm học vấn to lớn, tuy kinh văn không dài, chỉ có bốn hàng kinh văn. Chúng ta đọc kinh văn:

***Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung. Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu. Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt. Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan đấng, nhi vi thượng thủ. Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, cập Hiền Kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội.***

如是我聞。一時佛在王舍城耆闍崛山中。與大比丘眾萬二千人俱。一切大聖。神通已達。其名曰。尊者憍陳如。尊者舍利弗。尊者大目犍連。尊者迦葉。尊者阿難等。而為上首。又有普賢菩薩。文殊師利菩薩。彌勒菩薩。及賢劫中一切菩薩。皆來集會。

(Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Phật ở tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, với các đại tỳ-kheo chúng một vạn hai ngàn người câu hội. Hết thấy các vị đại thánh đã đạt thần thông, tên các Ngài là: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn giả A Nan v.v... làm thượng thủ. Lại có Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát và hết thấy Bồ Tát trong Hiền kiếp đều đến nhóm hội).

Đoạn Thông Tự được nói đến chỗ này. Đối với đoạn kinh văn này, chúng ta xem trong năm bản dịch gốc, trong mỗi bản liệt kê số người rất nhiều, lão cư sĩ Hạ Liên Cư khi hội tập đã chỉ chọn năm vị tôn giả làm đại biểu, ba vị Bồ Tát, năm vị Thường Tùy đệ tử, tinh lược rất nhiều. Năm vị ấy có thể làm đại biểu cho toàn bộ kinh hay không? Có thể chứ, từ năm vị ấy, có thể thấy nghĩa thú của cả bộ kinh, [tức là] nghĩa lý của cả bộ kinh hướng về đâu. Nay chúng ta học tập kinh văn. Câu đầu tiên là “*như thị ngã văn*”. Trong phần Thông Tự ở đầu mỗi bộ kinh đều có bốn chữ này. “*Chư kinh giai trí thủ tứ tự ư kinh thủ, cái tôn Thế Tôn chi di giáo*” (Các kinh đều dùng bốn chữ này để đặt ở đầu kinh là do tôn trọng di giáo của đức Thế Tôn). Kinh văn được mở đầu bằng bốn chữ ấy là do Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy. Tiếp đó, sách viết: “*Thế Tôn tương bát Niết Bàn*” (đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn), khi Thích Ca Mâu Ni Phật sắp viên tịch, “*A Nan bi bất năng thắng*”, [nghĩa là] tôn giả A Nan quá đời bi thương, tuy Ngài đã chứng Sơ Quả, tình chấp vẫn còn rất sâu. Ngài A Nê Lâu Đà (Anirudha) dạy A Nan, kinh Di Đà chép là A Nậu Lâu Đà, “*đồ bi hà ích*” (đau buồn sưng ích chi), đức Phật sắp diệt độ, lão nhân gia rời khỏi chúng ta, bi thương có được gì? Có ích lợi chi đâu? Ông hãy nên ngay lập tức thưa hỏi đức Phật bốn chuyện. Đối với bốn chuyện ấy, [trong bản chú giải này], cụ Hoàng chỉ nhắc tới một chuyện. Trong kinh Niết Bàn, trạng huống lúc đó được ghi chép rất rõ ràng. Ngài A Nê

Lâu Đà dạy tôn giả A Nan, vì A Nan nghĩ không ra. Ngài nói sau khi đức Phật diệt độ, có bốn chuyện lớn cần phải được chính miệng đức Phật dặn dò.

Thứ nhất là đức Phật tại thế, mọi người chúng con nương theo đức Phật làm thầy, nương theo Phật để trụ, Phật ở nơi đâu, chúng con đều cùng ở đó. Nay Phật mất đi, chúng con nương theo ai? Đây chính là như trong nhà Phật nói “y chỉ một người nào đó”. Có ai thay mặt đức Phật hay không? Đức Phật trả lời, chẳng dặn dò nương theo bất cứ ai, mà là “y *Tứ Niệm Xứ trụ*” (nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ). Nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ, chẳng khác gì nương vào Phật mà trụ. Phần thứ nhất của ba mươi bảy đạo phẩm là Tứ Niệm Xứ.

Điều thứ nhất trong Tứ Niệm Xứ, đức Phật dạy chúng ta “*quán Thân bất tịnh*”. Quý vị phải thường nghĩ thân thể này chẳng phải là thứ sạch sẽ, chớ nên lưu luyến thân thể này, đừng thường vì thân thể này mà sanh phiền não, vì thân thể này mà tạo nghiệp chướng. Nếu vậy, quý vị đã sai mất rồi, thân là giả! Trong Phật pháp thường nói “*tá giả tu chân*” (nhờ vào cái giả để tu cái thật), chúng ta dùng cái thân thể huyễn giả này để tu hành, nâng cao linh tánh của chính mình. Điều này trọng yếu! Thân là công cụ, quý vị hãy khéo lợi dụng nó, chớ nên lợi dụng nó để tạo nghiệp, phải lợi dụng nó để tu hành, đó là đúng. Không biết tu hành, chắc chắn sẽ tạo nghiệp! Quả báo của tạo nghiệp: Tạo thiện nghiệp sẽ vào tam thiện đạo để tiêu nghiệp. Tam thiện đạo hay tam ác đạo đều nhằm tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng có thiện và ác. Tạo nghiệp bất thiện sẽ vào tam ác đạo để tiêu nghiệp, quý vị thấy: Đều là tiêu nghiệp, bình đẳng! Vì sao? Trong tự tánh thanh tịnh tâm không có nghiệp chướng, thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều không có. Ác nghiệp bất hảo, thiện nghiệp cũng bất hảo! Phải giác ngộ điều này, chỉ cần tạo nghiệp, quý vị sẽ không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Luân hồi trong lục đạo, chắc chắn thời gian quý vị ở trong ác đạo dài lâu, thời gian ở trong thiện đạo ngắn ngủi. Đó là sự thật, chúng ta chớ nên không cảnh giác. Vì sao? Hễ sanh ra đời là có phiền não, phải biết rằng thiện hay ác đều là phiền não, phải biết điều này, chúng đều là phiền não. Trong ấy, thiện ít, ác nhiều. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, đã quy nạp những nghiệp ấy (nghiệp chướng) thành hai mươi sáu loại bất thiện, thiện cũng được quy nạp thành mười một loại. Quý vị thấy: So sánh giữa hai loại này, ác còn nhiều hơn hai lần thiện, ác có hai mươi sáu thứ, thiện chỉ có mười một! Chúng ta suy ra sẽ biết vì sao con người học điều tốt lành rất khó khăn, học theo chuyện xấu rất dễ dàng! Tự tánh không có thiện hay ác, nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện vạn pháp, có thể sanh vạn pháp. A Lại Da có thể biến, trong A Lại Da có thiện và ác, có nhiễm và tịnh. Vì thế, trong kinh, đức Phật thường nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”.

Lại nhìn vào hoàn cảnh bên ngoài, hoàn cảnh có thánh nhân trụ thế thì hoàn cảnh thiện nhiều, ác ít; khi không có thánh nhân trụ thế, chắc chắn là hoàn cảnh ấy ác nhiều, thiện ít. Đối với xã hội hiện thời của chúng ta, chuyện này quả thật là quá rõ rệt, nói rõ điều gì? Cho thấy trong thời đại này không có thiện nhân! Không chỉ nơi chúng ta đang sống không có thiện nhân, mà cả thế giới đều không có. Thiện nhân xuất hiện trên thế gian, đặc biệt là bậc đại thánh, đại hiền, chư Phật, Bồ Tát, các Ngài thật sự từ bi. Vì sao các Ngài không đến? Không có chúng sanh cảm, cảm ứng mà! Cho nên các Ngài chẳng ứng. Hằng ngày, tâm chúng ta mong mỏi Phật, Bồ Tát hiện đến, các Ngài có đến hay không? Chẳng đến! Chúng ta cảm, vì sao các Ngài chẳng ứng? Chúng ta chẳng cảm bằng chân tâm, cho

nên các Ngài không tới. Do chân tâm, các Ngài sẽ đến. Chúng ta cầu Phật, Bồ Tát, mục tiêu thứ nhất là gì? Làm sao để các Ngài phù hộ tôi thăng quan, phát tài, cho nên các Ngài không tới. Nếu khi quý vị dấy lên ý niệm, chẳng vì phù hộ tôi, mà do chúng sanh trong thế gian quá khổ, cầu Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ thế giới này, cứu khổ, cứu nạn, các Ngài sẽ đến. Nay chúng ta thấy các tai nạn, bao nhiêu người trên toàn thể thế giới cầu đảo? Nhưng họ vì ai mà cầu đảo? Có ai chẳng vì chính mình? Cũng [có người cầu đảo] vì chúng sanh, nhưng vì chính mình là chủ yếu, chúng sanh chỉ là kèm thêm! Tâm thái như vậy làm sao quý vị cảm động Phật, Bồ Tát cho được? Đâu có đạo lý ấy! Phải làm như thế nào? Hoàn toàn chẳng có chính mình! Hoàn toàn không có chính mình sẽ chẳng phải là người bình thường, trong quá khứ đã có cơ sở tu học của thánh hiền, trong A Lại Da Thức có chủng tử mạnh mẽ, đời này gặp thiện duyên, gặp được thiện hữu giúp đỡ, nên người ấy giác ngộ, hiểu rõ, người như vậy hẳn cảm bèn có ứng. Vì thế, quán thân bất tịnh rất trọng yếu. Tu học Phật pháp, nếu muốn nhập môn, điều thứ nhất là buông xuống Thân Kiến, đừng chấp trước thân là ta. Thân chẳng phải là Ta thì thân là gì? Thân là cái ta có, giống như y phục. Y phục chẳng phải là ta, mà là cái ta có. Thân thể cũng là cái ta có, chẳng phải là ta. Đức Phật dạy chúng ta hãy nương vào đó để trụ.

Thứ hai, “*quán Thọ là khổ*”, Thọ là gì? Thọ là hưởng thụ. Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm được! Thuở tại thế, Ngài giữa trưa ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, toàn bộ tài sản là ba y một bát, đó là toàn bộ tài sản của Ngài, thứ gì cũng chẳng có. Không giống người thế gian chấp trước thân là ta, phải cho cái thân này hưởng thụ, vì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, lại còn thêm ý, vì lục căn mà hưởng thụ, tạo đủ thứ tội nghiệp. Trong khi hưởng thụ, dường như là sung sướng, nhưng đó chẳng phải chân lạc, vì sao? Sau khi sướng sẽ khổ! Sướng biến thành khổ, chân thật ở chỗ nào? Chúng ta lắng lòng quan sát, không gì chẳng là tạo ác nghiệp. Sát sanh ăn thịt, ngõ đó là sướng! Chẳng biết những thứ quý vị đã ăn đều là hữu tình chúng sanh, đó là sanh mạng. Quý vị giết chúng nó, chúng nó có cam tâm tình nguyện để cho quý vị giết hại hay chẳng? Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân*” (người chết thành dê, dê chết thành người). Nay con người ăn dê, đời sau nó đầu thai làm người, những người ăn dê hiện thời, về sau chết đi, đầu thai làm dê, lại bị nó ăn, oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong! Nếu quý vị thấy nhân quả ba đời, sẽ biết nhân quả thông ba đời. Chẳng phải là thân người này chết đi là xong, đâu có dễ dàng như vậy? Trong các buổi giảng, trong quá khứ, chúng tôi thường nói, không thể chết được, chết thì còn làm gì được nữa! Nói thật đấy! Không thể chết thì làm như thế nào mới không thể chết? Niệm Phật sẽ không chết! Quý vị phải biết: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là ra đi trong khi sống, chẳng phải chết rồi mới đi, quý vị phải hiểu rõ ràng! Khi quý vị lâm chung, đầu óc sáng suốt, tai mắt thấy nghe rõ ràng, thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, theo Ngài ra đi, chẳng cần đến thân thể này, vứt bỏ, ra đi trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới ra đi. Do vậy, pháp môn này là “*pháp môn bất tử*”, ai có thể hỏi cho được? Vì thế, kinh Di Đà là “*vô vấn tự thuyết*” (không ai hỏi mà tự nói). Hơn nữa, bất luận người nào, chỉ cần quý vị tin tưởng, đối với ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh, chỉ cần trọn đủ ba điều kiện ấy, không một ai chẳng vãng sanh, pháp môn này đến nơi đâu để tìm? Bất luận tạo bao nhiêu tội nghiệp vẫn chẳng sợ, chỉ cần quý vị chuyển biến ý niệm, thật sự cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, nghiệp chướng sẽ tiêu mất. Quá khứ, đời này thiếu nợ mạng của chúng sanh, thiếu nợ tình, thiếu nợ tiền bạc, sau khi quý vị thành Phật, bất luận họ ở trong đường nào, quý vị đều thấy rõ ràng, sẽ chẳng trái bộn

nguyện, nhất định giúp đỡ họ, giúp cho họ giác ngộ, giúp họ niệm Phật vãng sanh thành Phật. Ân lãn oán đều báo! Đối với các oan gia đối đầu, dùng đức báo oán. Do vậy, phải hiểu: Những gì chúng ta hứng chịu đúng là khổ! Trong kinh, đức Phật thường nói tam khổ hoặc bát khổ, trong những phần sau sẽ giảng giải.

“*Quán Tâm vô thường*”, “*tâm*” là vọng tâm. Chân tâm quý vị sẽ chẳng quán được. Đây là chân tâm đã bị mê mất rồi, nên thành vọng tâm, vọng tâm là vô thường. Thật ra, Di Lạc Bồ Tát nói một cái khủy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, nên gọi là “*vô thường*”. Nó chẳng phải là như như bất động, vọng niệm toi bờ, niệm trước diệt, niệm sau dậy lên, tốc độ quá nhanh.

“*Quán Pháp vô ngã*”, Ngã là gì? Ngã có nghĩa là “*chủ tể, tự tại*”. Quý vị hãy quán sát cẩn thận, trong hết thấy các pháp đều không có chủ tể, đều là tùy duyên. Duyên sanh, duyên diệt, trong ấy không có chủ tể, chẳng tự tại. Chỉ có càng gần với Tánh Đức, mới phát hiện có chủ tể, có tự tại. Do vậy, trong Phật pháp, hễ minh tâm kiến tánh, Tứ Đức “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” sẽ hiện tiền. Ngã ấy là Chân Ngã, Chân Lạc. Thường là vĩnh hằng bất diệt. Lạc là chẳng có nỗi khổ nào! Là Khổ là Lạc, chủ tể chân chánh, tự tại xuất hiện. Sau đó là Tịnh, Tịnh là thanh tịnh. Khi kiến tánh, câu đầu tiên Huệ Năng đại sư thốt ra là “*nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, tâm thanh tịnh hiện tiền, pháp thanh tịnh hiện tiền, thấy hết thấy các pháp đều thanh tịnh. Đó là câu hỏi thứ nhất “*chúng con nên nương vào ai để trụ?*” Đức Phật dạy “*nương vào Tứ Niệm Xứ mà trụ*”.

Câu hỏi thứ hai là khi đức Phật tại thế, chúng con đều tôn Phật làm thầy. Phật khuất bóng, chúng con nương cậy ai làm thầy? Phật pháp quả thật có người truyền thừa. Truyền Tông Môn là tôn giả Đại Ca Diếp, truyền Giáo Hạ là tôn giả A Nan. Đức Phật chẳng dạy nương theo ngài Ca Diếp hay ngài A Nan làm thầy, không có! Đức Phật chẳng nói như thế. Đức Phật dạy chúng ta: “*Dĩ giới vi sư*” (lấy giới làm thầy). Chỉ cần quý vị có thể trì giới, sẽ chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế. Đức Phật còn thường nói: “*Dĩ khổ vi sư*” (lấy khổ làm thầy), vì sao? Có thể chịu khổ, sẽ có thể trì giới. Chẳng thể chịu khổ, sẽ không thể trì giới; chắc chắn quý vị sẽ phá giới, phạm giới. Vì thế, lấy giới làm thầy, dùng khổ để phụ trợ quý vị trì giới, thành tựu tịnh giới thì quý vị mới có thể đắc Định. Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ, quý vị mới có thể thành tựu. Nếu không có Giới, Phật pháp sẽ biến thành Phật học. Chư vị phải biết: Có Giới là học Phật, chẳng có Giới là Phật học. Không có Giới, sẽ không có Định, chẳng có Huệ, coi Phật học một loại học thuật bậc nhất trong thế gian để nghiên cứu, chẳng liên quan gì đến cuộc sống của chúng ta, sai mất rồi, toàn thể Phật pháp bị biến chất. Do vậy, hiện tại tìm kiếm Phật pháp trên thế gian, đến nơi đâu để tìm? Tìm không ra! Thời cổ, đến nơi nào cũng tìm được. Tất cả tự viện am đường đều là trường học, giống như hiện thời gọi là “*trường học chuyên khoa*”, quý vị muốn học thứ gì, quý vị đến trường đó để học. Núi Thiên Thai ở tỉnh Chiết Giang là trường chuyên khoa của tông Pháp Hoa, quý vị thích kinh Pháp Hoa thì đến núi Thiên Thai. Thích kinh Hoa Nghiêm thì đến núi Ngũ Đài; núi Ngũ Đài là trường chuyên khoa của tông Hoa Nghiêm. Thích Pháp Tướng Duy Thức, quý vị đến chùa Đại Từ Ân ở Trường An, hiện thời



là Tây An<sup>3</sup>. Huyền Trang đại sư, Khuy Cơ đại sư đều dạy học nơi đó. Thích Tịnh Độ, Huệ Viễn đại sư mở trường chuyên khoa ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Gần như mỗi tự viện am đường đều có khóa trình chủ tu, quý vị đến nơi đó, thật sự có cao nhân hướng dẫn, chỉ dạy, quý vị đi cầu học, có thể y chỉ, thân cận thiện tri thức ở nơi đó; hiện thời không có.

Lúc tôi học Phật, muốn tìm một nơi, nhưng tìm không ra. Đi khắp nơi trên cả thế giới, tìm năm mươi chín năm vẫn chưa tìm ra. Kể ra vận số cũng còn khá, được mấy vị cư sĩ hộ trì, chẳng đến nỗi phải hoàn tục; nếu không, chẳng có đường nào để đi. Học hết sức nhọc nhằn! Điều khó có là thuở đầu tôi thân cận ba vị thầy, theo thầy mười ba năm, đặt vững căn bản. Chẳng có mười ba năm vun bồi căn cội ấy, nếu muốn tự học, sẽ chẳng thể nào, mà cũng chẳng có cách nào! Vì thế, cổ nhân nói: “*Thập tải hàn song, nhất cử thành danh*” (mười năm khổ nhọc, thi đậu, thành danh)<sup>4</sup> là có đạo lý. Không có mười năm công phu, đã thế, mười năm còn phải thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quý vị mới có thể thành tựu. Người hiện thời khác hẳn tiền nhân, cũng chịu ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, [ưa chuộng] học rộng nghe nhiều! Họ học rất nhiều thứ, lãng phí rất nhiều thời gian, rốt cuộc học được gì? Học rộng, nhưng chẳng tinh tường. Cổ nhân dạy học khác hẳn, tôi theo thầy Lý mười năm, mười năm chỉ học năm bộ kinh. Tôi đã nói với quý vị, tôi học hơn ba mươi bộ kinh, đều là bàng thính (dự thính). Thầy dạy cho các bạn học khác, tôi nghe ké, còn học chính thức chỉ có năm bộ. Nói ra, quý vị nghe sẽ thấy rất đơn giản. Bộ thứ nhất tôi học là A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, bộ thứ hai là A Di Đà Kinh, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, một quyển, tức quyển cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm] giảng về mười đại nguyện vương, bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng Nghiêm, mười năm đây nhé!

Khi dạy, thầy quy định rất nghiêm ngặt, nhưng Ngài không bó buộc học trò, vì sao? Thời đại hiện nay là dân chủ tự do rộng mở, nếu quý vị kiểm chế quá ngặt nghèo sẽ vi phạm nhân quyền, không được đâu, sẽ phải ngồi tù! Vì thế, khác hẳn trước kia. Trước kia, cha mẹ có thể dạy con cái, thầy có thể dạy trò, nay thì không thể, chỉ có thể nói là dùng thân phận đồng học, dâng kiến nghị cho quý vị tham khảo, quý vị tiếp nhận hay không, quý

---

3 Thành phố Tây An (tỉnh Thiểm Tây) chính là tên gọi hiện thời của Trường An. Thành phố này còn được gọi là Kiều, Kiều Kinh, Tông Châu, Nội Sử, Đại An, Hàm Dương, Thường An, Đại Hưng, Phụng Nguyên, Kinh Triệu, Phụng Thành, Đầu Thành, Tây Kinh, hoặc chỉ gọi đơn giản là An, nằm ở trung tâm vùng Quan Trung, đã có lịch sử hơn sáu ngàn năm, vốn có tên là Phong Kiều từ thời Tây Châu. Nơi này từng là kinh đô của các triều đại Châu, Tần, Hán, Tấn, Tiền Triệu, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Ngụy, Bắc Châu, Tùy và Đường. Cái tên Tây An phát xuất từ tên gọi Tây An Phủ được đặt ra dưới triều Nguyên.

4 Thành ngữ này dựa theo hai câu trong Nho Lâm Ngoại Sử: “*Thập niên hàn song khổ độc thư, nhất cử thành danh thiên hạ tri*” (mười năm song lạnh chăm đọc sách, thi đậu thành danh thiên hạ quen). Theo sách đó, hai câu thơ ấy lại dựa theo ý bài thơ Trúc Ô Thính Cầm của Thạch Tử Chương đời Nguyên: “*Thập niên hàn song tích tuyết dư, độc đắc nhân gian vạn quyển thư*” (Mười năm song lạnh tuyết phủ đầy, đọc khắp nhân gian muôn quyển sách). Do vậy, “*thập niên hàn song*” chỉ quá trình học tập khổ luyện, không sao nhãng. Cũng có thuyết giải thích câu trong Nho Lâm Ngoại Sử lại xuất phát từ hai câu thơ trong bài Tỳ Bà Ký của Cao Minh đời Nguyên: “*Thập niên hàn song vô nhân vấn, nhất cử thành danh thiên hạ tri*” (Mười năm song lạnh không ai hỏi, thi đậu thành danh cả nước quen). Dù xuất phát từ đâu, từ ngữ “*thập niên hàn song*” đều có nghĩa là gắng công chuyên chú học tập, không sao nhãng!

vị có chủ quyền, chủ quyền ấy rất thiêng liêng, ai cũng không thể can thiệp! Vì thế, trong thời đại này, có thể thành tựu hay không là do chính mình chịu trách nhiệm, thầy có muốn lãnh trách nhiệm cũng chẳng thể được, người ấy đâu có chịu! Kể ra chúng tôi vẫn còn ngoan ngoãn một chút, nghe lời, nên mới có một chút thành tựu. Nếu chẳng nghe lời, tôi cũng học rộng nghe nhiều, thế là xong luôn! Quả thật cổ nhân nói có lý, “*một kinh thông, hết thầy các kinh sẽ thông*”. Tuy chúng ta chưa thông một kinh, nhưng đã dốc sức rất nhiều nơi một bộ kinh. Một bộ kinh phải học rất nhiều lượt, chẳng phải một lần là xong! Mỗi lượt đều khác nhau, dần dần sẽ nắm được pháp vị. Đặt vững vàng cơ sở rồi, đối với kinh chưa học, quý vị muốn học tập sẽ chẳng khó. Chẳng hạn như tôi chưa từng học kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa cũng chưa hề học, nhưng tôi đều giảng được! Đồ công sức nơi kinh Lăng Nghiêm, học Lăng Nghiêm với thầy Lý, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm bảy lần. Đó là cơ sở, đây cũng là một bộ kinh lớn. Tôi nhớ năm 1977, lần đầu tiên tôi sang Hương Cảng, giảng kinh Lăng Nghiêm suốt bốn tháng, pháp duyên lần ấy cũng thù thắng.

Vì thế, hiện thời đạo thầy trò rất khó thành tựu là có nguyên nhân, vì sao? Trong thời đại hiện thời, không có đạo cha con, Phật pháp là sư đạo, sư đạo kiến lập trên cơ sở hiểu đạo. Xã hội này chẳng có hiểu đạo, đương nhiên cũng chẳng có sư đạo. Vì thế, vấn đề này nghiêm trọng, chẳng phải là vấn đề nhỏ nhoi, có quan hệ đến sự tồn vong của mạng mạch quốc gia, dân tộc và văn hóa truyền thống. Thật sự phải là gì? Phải là bậc Bồ Tát tái lai, thật sự phát đại tâm, phải cảm nhận chính mình có sứ mạng, hy sinh tánh mạng cũng không bận lòng hồng học tập văn hóa truyền thống. Sau khi học xong, sẽ dạy truyền thống văn hóa, phát huy rực rỡ văn hóa truyền thống. Đó là gì? Đó chính là Chúa Cứu Thế, Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là người phàm! Người phàm đến thế gian để cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, đến hưởng thụ sự vui sướng do ngũ dục lục trần, đến làm những chuyện ấy. Vì thế, đức Phật dạy “*lấy khổ làm thầy*” vô cùng hữu lý. Thật sự có thể chịu khổ, nhẫn nhục, người ấy mới có thành tựu. Người ấy nhất định thành tựu giới luật, giới luật nhằm mục tiêu nào? Mục tiêu của giới luật là tâm thanh tịnh. Chỉ có trì giới quý vị mới có thể khôi phục cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là Thiên Định. Có công phu định lực đạt đến độ sâu nhất định, trí huệ sẽ khai.

Đối với Thiên Định, quý vị phải biết, hễ chúng ta nói đến Thiên Định, trong đầu mọi người đều nghĩ đến quan niệm: Ngồi xếp bằng, nhìn vào vách thì gọi là “tham Thiên”; đó là phương pháp sơ học trong Thiên Tông. Quý vị phải hiểu Thiên Định theo nghĩa rộng, đừng hiểu theo nghĩa hẹp. Tám vạn bốn ngàn pháp môn thầy đều là Thiên Định, phương pháp tu học Thiên Định khác nhau, đường lối khác nhau, nên gọi là pháp môn! Nếu chẳng phải là tu Thiên Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Nếu là tu Thiên Định thì gọi là Phật pháp. Nay Tịnh Độ Tông chúng ta dùng phương pháp gì để tu Thiên Định? Nay chúng ta dùng một câu Phật hiệu A Di Đà Phật, dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để tu Thiên Định. Cách tu ra sao? Trước hết, quý vị phải hiểu Thiên Định nghĩa là gì? Giảng hai chữ Thiên Định theo cách nào? Thiên là gì? Định là gì? Ngoài chẳng chấp tướng là Thiên, trong chẳng động tâm là Định, toàn bộ tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tu phương pháp này! Chúng ta mới có một chút chấp trước, hoặc mới có một tí phân biệt, liền A Di Đà Phật! Tổ sư Tông Môn bảo: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm!*” Thiên Định là giác, ý niệm mới dậy lên, bất luận thiện niệm hay ác niệm, hễ niệm dậy lên là trật rồi! Vì sao? Trong tâm thanh tịnh không có ý niệm. Ý niệm dậy lên thì làm sao? Trở về A Di Đà Phật,

thầy đều quy vào A Di Đà Phật. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật cũng không có, quý vị sẽ minh tâm kiến tánh. Đây là dùng một niệm để xóa trừ tất cả những niệm khác. Tịnh Tông dùng phương pháp này, nên gọi là Niệm Phật. Dùng phương pháp Niệm Phật để đạt đến minh tâm kiến tánh, đạt tới đại triệt đại ngộ.

Bất luận pháp môn nào, Tịnh Tông chẳng phải là ngoại lệ, mục tiêu cuối cùng là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Vì vậy, trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã dạy: *“Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*, lời này là thật, chẳng giả. Phương pháp khác nhau, nhưng phương hướng như nhau, mục tiêu giống nhau. Vì thế, không có giới thì làm sao được? Quý vị chẳng thể chịu khổ, sẽ chẳng thể trì giới. Quý vị chẳng thể trì giới sẽ không thể đắc Định; chẳng thể đắc Định, làm sao có thể khai Huệ? Vậy thì những điều quý vị mong cầu, nghiên cứu sẽ là Phật học, là pháp thế gian, chúng ta chớ nên không biết! Một bộ kinh A Di Đà có thể giúp quý vị tới Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế gian này, quý vị thông minh, hiểu học, nghiên cứu thấu suốt Tam Tạng mười hai bộ kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, học thuộc nhuần nhuyễn, nhưng không có giới! Không có giới, nói đến chữ này, quý vị phải hiểu: Quý vị chẳng có Giới - Định - Huệ. Vì lẽ đó, trước kia, thầy Lý thường nói: Trong lục đạo luân hồi, quý vị đáng sanh tử ra sao thì vẫn sanh tử như thế ấy, chẳng có một tí xíu biện pháp nào! Chớ nên xem thường những ông già, bà cả, chẳng thể khi dễ họ! Họ do một bộ kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật, niệm vài chục năm, khi lâm chung, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, biết trước lúc mất. Đó là gì? Giới - Định - Huệ thành tựu, họ dùng được! Họ tới Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật, còn quý vị vẫn luân hồi trong lục đạo!

Chư vị phải biết đây là chân tướng sự thật thì quý vị mới hiểu. Năm 2007, một nhà Hán Học của trường Kiềm Kiềm (Cambridge) là giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) sang Hương Cảng kiếm tôi, muốn tôi sang Kiềm Kiềm mở một học viện, ông ta đã chọn sẵn tên cho tôi rồi, [học viện] Đại Thừa Phật Học thuộc đại học Kiềm Kiềm. Tôi rất cảm kích ông ta, đúng là hảo ý. Trên thế giới, Kiềm Kiềm được xếp hàng thứ ba. Theo quy chế đại học của Anh Quốc, các trường như Ngưu Tân (Oxford), Kiềm Kiềm, nói chung đều có từ năm mươi học viện (academy) trở lên, họ theo quy chế ấy. Tôi cảm tạ ông ta, tôi nói tôi không thể đi, vì sao? Quy chế và quy ước trong trường các vị là nghiên cứu Phật học, chẳng tu Giới - Định - Huệ, quý vị nghiên cứu Phật học, chẳng phải là học Phật. Quý vị phải biết: Phật học và học Phật là hai chuyện [khác nhau], học Phật có Giới - Định - Huệ. Không có Giới - Định - Huệ sẽ là Phật học, chẳng phải là học Phật. Phật học là tri thức, học Phật là trí huệ, khác nhau! Trí huệ và tri thức là hai chuyện. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức giải quyết vấn đề sẽ để lại cả đồng hậu quả, chúng ta chớ nên không biết điều này. Do vậy, ngài A Nậu Lô Đà dạy A Nan hỏi bốn câu ấy, rất trọng yếu! Lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy! Nếu chúng ta không coi trọng chuyện này, xong luôn! Ở trong thế gian này, quý vị dùng Phật pháp để đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng thì được, có thể đạt được! Quý vị nói [sinh viên] khoa Hán học của Âu Châu lấy kinh Phật để viết luận văn nhằm giành học vị Tiến Sĩ, chẳng có vấn đề gì, có thể đạt được, tương lai cũng có thể là một vị giáo sư hay nhà Hán học nổi tiếng. Thầy Lý nói: *“Đáng sanh tử như thế nào thì vẫn sanh tử như thế ấy”*, quý vị không có cách nào vãng sanh thành Phật!

Câu hỏi thứ ba, cũng là hỏi rất hay! Hiện thời, hiện tượng này rất nhiều, trong đoàn thể, kẻ chẳng tuân thủ quy củ của người xuất gia thì nên làm sao? Lúc đức Phật tại thế, đức Phật có thể kiểm chế họ, đức Phật có thể giáo huấn họ. Nay đức Phật đã khuất, sau này, gặp những kẻ như vậy, ai sẽ giáo huấn họ? Đức Phật dạy một phương pháp rất hay, đừng quan tâm đến họ, đó là Mặc Tẩn (Brahma-danda). Mặc Tẩn là không bận tâm đến kẻ ấy, dùng phương pháp này. Khổng lão phu tử của Trung Quốc nói: “*Kính nhi viễn chi*” (kính trọng nhưng giữ khoảng cách), chẳng kết oán với người khác. Chúng tôi nghe thấy [điều này trong] giáo huấn của thánh nhân, theo thầy Lý mười năm, tôi thấy lão nhân gia đã làm được. Trong đoàn thể của cụ cũng có những học trò chẳng nghe lời, bề ngoài tuân phục, bên trong chống đối, cụ đối với kẻ ấy như thế nào? Chúng tôi thấy thầy đúng là kính nhi viễn chi, thấy kẻ ấy, thầy nhất định rất tôn kính, lễ độ, luôn luôn rất hoan hỷ. “*Viễn*” là gì? Viễn là quý vị tùy tiện làm gì, tôi trọn chẳng can thiệp, chẳng nghe, chẳng hỏi đến! Quý vị thích làm gì thì làm. Đúng rồi, chính xác! Lão nhân gia nêu gương cho chúng ta thấy. Trong xã hội hiện tại, điều này vô cùng trọng yếu, phải biết kính nhi viễn chi đối với kẻ bất thiện! Viễn chẳng phải là cố ý giữ khoảng cách. Chẳng phải! Gặp mặt vẫn rất thân thiết, nhưng hết sức khách sáo, lễ tiết gì cũng chu đáo; nhưng quý vị làm gì, tôi không can thiệp, tôi làm gì, quý vị cũng chẳng dính líu tới. Đây chẳng phải là đối xử tốt đẹp ư? Mọi người đều vui vẻ ư? Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là có trí huệ, thật sự có trí huệ. Nói đến hòa hài thì làm như vậy mới thật sự đạt được hòa hài. Phải học chẳng phê bình kẻ khác, đừng nên can thiệp vào chuyện của người khác, chính mình nêu gương tốt cho kẻ khác thấy, điều này rất trọng yếu. Họ nhìn thấy, hiểu, có cảm nhận, tốt lắm! Nhìn nhưng không hiểu, chẳng sao! Họ nhìn lâu ngày sẽ hiểu. Một năm, hai năm mà nhìn không hiểu thì chắc họ nhìn thấy mười năm, hai mươi năm sẽ hiểu, không nhất định! Vì thế, thái độ nhu hòa, chất trực quan trọng lắm! “*Oai nghi hữu tắc*” (oai nghi theo đúng khuôn khổ) là chính mình phải thực hiện Giới - Định - Huệ.

Câu hỏi thứ tư là mọi người đều biết, trong tương lai nhất định sẽ dùng văn tự ghi chép những điều Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, đã dạy trong một đời để truyền cho hậu thế. Vậy thì đầu kinh văn, câu đầu tiên phải viết như thế nào? Đức Thế Tôn chỉ dạy, dùng “*như thị ngã văn*”. Đây là khi đức Phật diệt độ, A Nan hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi bốn vấn đề. Đây là vấn đề thứ tư trong bốn vấn đề. “*Nhất thiết kinh thủ, đương trí như thị ngã văn, Phật tại mỗ phương đẳng lục sự*” (Đầu hết thầy các kinh, nên đề “*như thị ngã văn*”, Phật tại chôn mỗ, thời mỗ...”, [tức là] sáu thứ thành tựu [vừa nói trên đây]). Tôi nghe như thế này, đức Phật vào lúc nào, ở địa điểm nào, cùng với người nào, tức là sáu sự đã nói trong phần trước, tức sáu món thành tựu.

“*Như thị ngã văn*”, chữ Ngã này chỉ A Nan. A Nan vừa mở miệng liền bảo mọi người, “*như thị*” là tôi đã nghe đức Phật răn dạy như thế, tức là khi đức Phật giảng bộ kinh này, tôi đích thân nghe đức Phật nói. “*Biểu như thị pháp môn nãi ngã A Nan sở văn ư Thích Tôn giả dã. Thủ chánh khả phá đương thời chi nghi*” (biểu thị pháp môn như thế ấy do chính A Nan tôi được nghe từ đấng Thích Tôn. Câu này phá được nỗi nghi ngờ của người đương thời). Vì khi kết tập Kinh Tạng, tôn giả A Nan phức giảng, tức là nhắc lại các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng. Phức giảng là đại sự, Phật pháp mới có thể lưu truyền mười phương ba đời, công đức ấy vô lượng vô biên! Vì thế, ngài A Nan thăng tòa, không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật gia trì, mà hết thầy chư Phật cũng đều gia trì Ngài. Do lẽ đó,

trên đài, hình tướng của ngài A Nan giống như đã thành Phật, vì thế, mọi người hoài nghi, có phải là A Nan đã thành Phật đó chăng? Hoặc là Phật từ phương khác đến? Như vậy, thứ nhất là nghi Phật, tức Thích Ca Mâu Ni Phật trở lại, quay lại. Thứ hai là nghi A Nan thành Phật. Thứ ba là nghi Ngài là Phật từ phương khác đến. A Nan vừa nói “*nư thị ngã văn*”, những nghi vấn ấy đều được giải quyết, [mọi người] đều hiểu trên đài là tôn giả A Nan. Vì thế, các đồng học thường nghe giảng kinh, có khi quý vị có thể nhận thấy người đang giảng kinh trên giảng đài đều có Phật, Bồ Tát gia trì. Không được Phật, Bồ Tát gia trì, sẽ không giảng được. Vì thế, giảng trên đài, oai nghi, tướng mạo, thần thái của người ấy khác với lúc ở dưới giảng đài. Quan sát cẩn thận sẽ có thể nhận ra: Quả thật được Tam Bảo gia trì!

Tiếp đó, còn có vấn đề: “*Hoặc nghi viết: Phật thành đạo nhập niên, A Nan phương xuất gia*” (Hoặc nghi: Phật thành đạo hai mươi năm, A Nan mới xuất gia). Phật thành đạo năm ba mươi tuổi, A Nan mới sanh ra. Lại phải qua hai mươi năm sau, A Nan mới xuất gia. A Nan xuất gia năm hai mươi tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật đã năm mươi tuổi. Trong khoảng thời gian trước đó, những kinh đức Phật đã giảng A Nan chưa hề nghe, khi kết tập làm sao Ngài có thể phước giảng được? Chúng ta đọc tiếp lời chú giải: “*Hựu thập niên phương mạng vi thị giả. Như thử, tác tập niên tiền Phật sở thuyết kinh, A Nan hà năng giai viết ngã văn*” (Lại nữa, mười năm sau mới được [đức Thế Tôn] sai làm thị giả. Như thế thì đối với những kinh do đức Phật đã giảng trong ba mươi năm trước đó, làm sao A Nan có thể đều nói là “tôi nghe”). Kết tập Kinh Tạng, phía trước [mỗi kinh] đều thêm câu “*nư thị ngã văn*”, quả thật có nghi vấn này. Tiếp đó, [sách Chú Giải] có ba lời giải thích: Thứ nhất là “*triển chuyển*”, thứ hai là “*Phật trùng thuyết*”, thứ ba là “*A Nan tự thông*”, [nghĩa là] tự mình khai ngộ.

- “*Triển chuyển văn: Báo Ân kinh ngôn, A Nan sở bất văn kinh, tùng chư tỳ-kheo văn, hoặc chư thiên tử thuyết*” (Triển chuyển văn: Kinh Báo Ân nói những kinh nào A Nan không được nghe trước đó thì nghe từ các tỳ-kheo khác, hoặc nghe chư thiên nói). Nghe từ đồng học, từ những vị đồng học đã thân cận [đức Thế Tôn] từ thuở đầu, những vị đồng học ấy như ngài Kiều Trần Như đã nói trong phần trước là vị chứng A La Hán đầu tiên ở Lộc Dã Uyển, có thể nói là hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, Ngài nghe toàn bộ, chẳng sót buổi nào. Các Ngài có quan hệ thân thích với Thích Ca Mâu Ni Phật và A Nan. Do vậy, đây là người khác nói với Ngài.

- Thứ hai là “*Phật trùng thuyết*”, trong kinh Báo Ân có chép: “*A Nan nhân Phật mạng vi thị giả, nãi cầu tam nguyện*” (A Nan tuân lệnh đức Phật làm thị giả, bèn cầu xin được thỏa ba điều nguyện). A Nan xuất gia, sau khi xuất gia, làm thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, khi ấy, Ngài bèn cầu xin ba chuyện, trong ấy có một điều như sau: “*Sở vị văn kinh, thỉnh Phật trùng thuyết*” (những kinh con chưa được nghe, xin Phật nhắc lại), những kinh đức Phật đã giảng trong hai mươi năm, con chưa được nghe, xin Phật giảng lại cho Ngài, giảng lần nữa, “*Phật hứa chi*” (đức Phật chấp thuận). Trong kinh có chép một đoạn như vậy.

- Thứ ba là “*A Nan tự thông: Kim Cang Hoa Kinh ngôn, A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, sở vị văn kinh, tự năng ức trì*” (A Nan tự thông hiểu: Kinh Kim Cang Hoa nói A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, những kinh chưa được nghe, có thể

tự ghi nhớ). Quý vị thấy: Khai ngộ đấy! Quý vị thấy ở Trung Quốc, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ, chẳng nghe người khác giảng kinh, chỉ có lúc tiếp nhận y bát ở Hoàng Mai, hòa thượng Ngũ Tổ Nhân đêm khuya giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài, chắc chắn là không có kinh sách, chúng tôi dự đoán thời gian tối đa là hai tiếng đồng hồ, giảng tới câu: “*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài hoát nhiên đại ngộ, bèn thông suốt. Hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, quý vị đọc cho Ngài nghe, Ngài bèn có thể giảng cho quý vị nghe. Quý vị là người đọc chẳng giác ngộ, Ngài giảng cho quý vị nghe, rất có thể là quý vị sẽ đại triệt đại ngộ. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng chẳng phải là một thí dụ rất rõ rệt đó ư? Vị này là người được Huệ Năng đại sư độ đầu tiên, đặc độ đầu tiên, Ngài gặp trên đường lánh nạn. Tại thôn Tào Hầu gặp gỡ, vị tỳ-kheo-ni này cả đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn. Kinh Đại Niết Bàn kích thước cũng rất lớn, có hai bản dịch, một bản bốn mươi quyển, bản dịch kia gồm ba mươi sáu quyển, đều là phân lượng khá lớn. Con người xưa kia tốt đẹp, thâm nhập một môn! Như thiên sư Pháp Đạt học kinh Pháp Hoa mười năm, thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn, Sư đắc tam-muội, tâm thanh tịnh, trong tâm chẳng có gì khác, chỉ có một thứ này. Vì thế, Lục Tổ bảo ni sư hãy niệm kinh. Sau khi niệm xong, Lục Tổ vừa nghe một đoạn đã giảng ý nghĩa của đoạn ấy cho ni sư nghe. Ni sư nghe xong: “Hay quá!”, hết sức hoan hỷ, cầm quyển kinh hướng về Huệ Năng đại sư thỉnh giáo. Huệ Năng đại sư bảo: “Ta không biết chữ, người đừng đưa kinh cho ta”. Ni sư hỏi: “Chẳng biết chữ thì làm sao Ngài giảng hay như thế?” Tổ dạy: “Chuyện ấy chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không biết chữ”. Chúng ta có thể suy ra: Huệ Năng đại sư có năng lực ấy thì A Nan cũng có năng lực ấy. Chỉ cần chuyên, nay chúng ta nói là “chuyên chú”, còn Phật pháp gọi là “chuyên nhất”. Khi đạt đến nhất tâm bất loạn sẽ khai, tự được tâm khai, tự nhiên thông suốt. Khi con người đã kiến tánh, thứ gì cũng đều thông. A Nan là đại Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phàm nhân, diễn tuồng cho chúng ta xem. Trên sân khấu, Ngài chứng quả Tu Đà Hoàn, trên thực tế, là bậc Đại Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân, Ngài minh tâm kiến tánh. Vì thế, một vị Phật xuất thế, ngàn vị Phật ủng hộ, chúng ta biết điều này, sau khi quý vị liễu giải sẽ chẳng còn hoài nghi.

Do A Nan kết tập Kinh Tạng, Ngài là người lưu truyền Giáo Hạ của Phật, Ca Diếp là người lưu truyền Tông Môn, truyền Thiên Tông. Vì thế, [Phật giáo] được gọi là “*Tông Môn Giáo Hạ*”. Bản thân Phật giáo xưng là Tông Giáo, khác với chữ “tôn giáo” hiện thời, Tông là Tông Môn, Giáo là Giáo Hạ. Tại Trung Quốc có mười tông, Thiên Tông xưng là Tông Môn, chín tôn phái kia đều gọi là Giáo Hạ. Đây là phương thức giáo học khác nhau. Tông Môn trước tiên bảo quý vị tham cứu, không có sách giáo khoa. Ngộ rồi sẽ bắt đầu tu, [tức là] sau khi đại triệt đại ngộ, mới cho phép quý vị xem kinh. Trước khi khai ngộ, chẳng được phép xem kinh. Đây là [pháp môn dành cho] nhân vật thiên tài đặc biệt, chẳng dành cho người tầm thường. Vì thế, lúc tôi vừa tiếp xúc Phật pháp, ba vị thầy đều cảnh cáo tôi. Ba vị thầy đều chưa gặp mặt tôi, nhưng đã cảnh cáo tôi một chuyện, bảo tôi ngàn vạn phần đừng mon men Thiên Tông. Đó là [pháp môn dành cho] kẻ thượng thượng căn, là nhân vật thiên tài trong Phật môn. Nếu anh muốn học pháp môn ấy, đó là “một bước lên trời”. Nếu một bước không lên trời được, rớt xuống sẽ tan thân nát xương, xong luôn! Vì thế, tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy tôi Pháp Tướng Duy Thức, Ngài chỉ điểm cho tôi con đường ấy. Sau khi học Phật, tôi thân cận Chương Gia đại sư, tôi theo Phương tiên sinh đại khái nửa năm, theo Chương Gia đại sư ba năm, Chương Gia đại sư đặt vững cơ sở cho tôi.

Chương gia đại sư dạy tôi “thấy thấu suốt, buông xuống”, đây là pháp môn tổng quát, tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh, bất luận tu pháp môn nào cũng đều phải thực hiện từ nơi đây! Ngài dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, tác phẩm Ngài dạy tôi đọc đầu tiên là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí: “Anh nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, khéo học tập theo Ngài, sẽ chẳng đến nỗi đi sai đường”. Chúng tôi mới liễu giải sau khi khai ngộ vào năm ba mươi tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật liền tiến hành dạy học, dạy suốt bốn mươi chín năm. Vì thế, Phật pháp chẳng phải là tôn giáo.

Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, đệ tử Phật môn chúng ta có tội lỗi. Thầy chúng ta là một đại giáo dục gia, là đại thánh đại hiền, có sao lại khiến cho Ngài dính mắc vào tôn giáo, tôn giáo là mê tín? Chúng ta hiểu rõ ràng, bất luận nơi nào, chúng ta đều phải bảo cho mọi người biết: “Phật pháp chẳng phải là tôn giáo”. Lời này chẳng phải do tôi nói đầu tiên, mà do Âu Dương đại sư (Âu Dương Cán Vô) nói trước tiên. Hình như vào năm Dân Quốc 12 (1933), tôi còn chưa sanh ra. Ông ta ở đại học Đệ Tứ Trung Sơn, nay là đại học Sư Phạm Nam Kinh, đã có lần giảng diễn rất nổi tiếng với đề mục “*Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, mà là nhu cầu thiết yếu trong hiện thời*”, giảng về đề tài như thế. Phật giáo là gì? Phật giáo là giáo dục của đức Phật, là giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, rất rõ ràng. Chúng ta học Phật là tiếp nhận sự giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài giáo dục là dạy gì? Dùng một câu nói trong kinh điển để nói thì sẽ là “*chư pháp Thật Tướng*”. Câu này giải thích ra sẽ là: Thật Tướng của nhân sinh và vũ trụ, Ngài dạy chúng ta điều này. Nói cụ thể cùng quý vị, nói theo cách người hiện thời, nội dung lời Ngài nói là gì? Nói cụ thể sẽ không ngoài năm hạng mục lớn. Năm hạng mục ấy là luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, và khoa học. Năm hạng mục đều giảng đến mức viên mãn rất rõ, quá sức quý báu! Người đời sau gọi giáo học của lão nhân gia và các sách vở, tức là những tài liệu dạy học thuở ấy là Pháp Bảo, có lý lắm! Vì thế, bản thân chúng ta phải khéo học, phải nghiêm túc học, phải uốn nắn những ngộ nhận của xã hội, đó là trách nhiệm và sứ mạng của chúng ta. Thầy Phương cả đời nỗ lực làm chuyện này, rất đáng tiếc là cụ mất quá sớm, bảy mươi chín tuổi đã ra đi. Khi ấy tôi nghĩ, nếu thầy sống thêm năm năm nữa, hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, có thể khiến cho đại chúng trong xã hội suy nghĩ lại, xác định đúng vị trí của Phật pháp. Phật pháp thật sự chẳng phải là tôn giáo.

Tiếp đó, cụ Hoàng lại giải thích cặn kẽ chữ “*như thị*”, “*như thị*” là Tín Thành Tụ. “*Cu lực chửng thành tựu trung chi thủ vị*” (đứng đầu trong sáu món thành tựu), [đây là] điều đầu tiên phải tin tưởng. Quý vị tiếp nhận giáo dục, chẳng có lòng tin đối với thầy, chẳng có lòng tin đối với môn quý vị đang học, sẽ chẳng thể nào học thành công được! Vì thế, đầu tiên, phải tin tưởng thầy, thứ hai là tin tưởng vào môn học thì quý vị mới thật sự học được điều gì đó. Nếu tâm quý vị chẳng mười phần cung kính thầy, sẽ chẳng đạt được mười phần lợi ích. Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư đã giảng rất nhiều lần: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thành kính đối với ai? Thành kính đối với thầy, tin tưởng môn học, có lòng thành tín, quý vị mới thật sự học được. Cùng một môn học, cùng một vị thầy, vì sao hiệu quả học tập của mỗi trò khác nhau? Chẳng có chi khác, do lòng tin khác nhau! Đạo lý ở chỗ ấy! Thầy xét coi học trò nào có thể dạy được, học trò nào chẳng có cách dạy! Vì sao thầy biết? Thầy chẳng có thần thông, thầy chỉ coi trò có tâm tôn

kính hay không? Thầy cũng trọn chẳng đòi hỏi quý vị tôn kính thầy như thế nào, chẳng phải vậy, mà là thầy xem quý vị có thể tiếp nhận được bao nhiêu?

Do tôi được cha dạy tôn sư trọng đạo từ nhỏ; thuở ấy, khoảng chừng năm Dân Quốc hai mươi mảy, tôi nhớ hình như tôi năm, sáu tuổi, hoặc sáu bảy tuổi, vào trường tư thực, nay gọi là trường học dành cho con em trong gia đình, [thầy dạy] là họ hàng, ở trong nhà cô tôi, thuở ấy là đại gia tộc. Do tôi vẫn còn tiếp xúc với đại gia đình, nên có ấn tượng. Thôn trang ấy có phạm vi rất lớn. Ước chừng tới hai trăm người, là một gia tộc, chẳng tách ra thành từng nhà riêng biệt, mười người anh em [của cha tôi] chẳng tách riêng. Vì vậy, cả nhà từ trên xuống dưới có khoảng chừng hai trăm người, là gia tộc rất lớn. Họ có một từ đường. Từ đường trừ Xuân Thu tế lễ ra, chẳng dùng để làm gì. Vì thế, trường tư thực mở ngay trong từ đường. Tư thực là trường học cho con em trong gia tộc, trẻ nhỏ trong gia tộc đều đến học tại đó. Tôi nhớ các bạn học dường như không nhiều lắm, phải là từ ba mươi đến năm mươi người, không nhiều lắm! Lớn tuổi thì đại khái có mười bảy, mười tám, nhỏ tuổi thì giống như chúng tôi, rất bé, sáu, bảy tuổi. Cùng dạy trong một phòng học, một vị thầy. Ngày nhập học, cha dẫn tôi đi, mang theo lễ vật, biểu “*thúc tu*”<sup>5</sup> cho thầy, cho nên mang theo lễ vật dâng lên thầy. Vào trường học, tức là đại điện (gian chính của từ đường), đại điện là nơi tế tổ được đổi thành lễ đường. Chính giữa điện, đặt một bài vị, chữ trên bài vị tôi đều đọc được, vì khi đó, cha đã dạy cho tôi biết mặt chữ tại nhà, đại khái có thể nhận biết tới năm trăm chữ. Vì thế, mấy chữ trên bài vị tôi đều đọc được: “*Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Phu Tử Thần Vị*”, tôi nhận biết bài vị ấy, bài vị rất lớn. Thầy ngồi bên cạnh, hai bên là học trò, bạn học đứng hai bên. Cha tôi dẫn tôi, cha ở trước, tôi ở đằng sau, hướng về Khổng lão phu tử hành lễ tới kính, tức là ba lần lạy, chín lần dập đầu. Sau khi lạy xong, cha tôi mời thầy ngồi trên ghế, thầy ngồi phía dưới bài vị Khổng Tử, [cha con cùng] hướng về thầy ba lần quỳ, chín lần dập đầu, chúng tôi biết tôn sư trọng đạo từ chỗ này. Quý vị thấy cha tôi đối đãi thầy, ba lần quỳ, chín lần dập đầu [trình trọng như thế], chúng tôi còn dám nói gì nữa hay không? Thầy và bậc trưởng thượng trong nhà biểu diễn cho quý vị xem, dạy quý vị biết tôn sư trọng đạo như thế nào. Tôi học từ chỗ ấy, nên cả đời luôn rất tôn kính thầy.

Sau này, quý vị thấy tôi học Phật tại Đài Loan, tôi chiếm được một chút tiện nghi đối với ba vị thầy. Tôi chẳng có may mắn quan hệ gì với thầy, nhưng sau khi thân cận thầy, thầy đặc biệt quan tâm, đặc biệt chăm chút tôi. Tôi thân cận thầy Phương, chỉ cầu thầy đồng ý cho tôi đến dự thính tại trường thì duyên ấy đã vô cùng hy hữu. Nào ngờ thầy cho phép tôi mỗi tuần đến nhà thầy, dạy tôi hai tiếng, chỉ có mình tôi là học trò. Thuở ấy, tôi

---

5 Thúc tu (束脩) theo nghĩa gốc là mười miếng thịt khô bó lại, là một lễ vật thông dụng thời cổ. Chương Thuật Nhi trong sách Luận Ngữ có ghi: “*Từ viết: Từ hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối*” (Khổng Tử nói: Từ lúc tiếp nhận thịt khô làm lễ vật đến giờ, ta chưa bao giờ hối hận). Ý nói: Từ khi khởi sự dạy học đến nay, ta chưa bao giờ hối hận. Về sau, chữ “*thúc tu*” dùng theo nghĩa rộng để chỉ lễ vật hay một món tiền do phụ huynh biểu cho thầy dạy, xin cho con nhập học. Chữ này còn được mở rộng ra để chỉ lương bổng của thầy giáo, hoặc thời điểm bắt đầu làm quan như truyện Diên Đốc trong Hậu Hán Thư có câu: “*Thả ngô tự thúc tu dĩ lai, vi nhân thần bất hãm ư bất trung, vi nhân tử bất hãm ư bất hiếu*” (từ khi ta làm quan đến giờ, làm bề tôi người khác chẳng đến nỗi bất trung, làm con người khác chẳng đến nỗi bất hiếu). Thậm chí mở rộng ra thành sự ước thúc, tu dưỡng chính mình, giữ trọn lòng nghiêm túc, cung kính.



được sùng ái mà đâm ra sợ, cảm kích năm vóc sát đất. Lúc đó, đời sống tôi rất nghèo khó, một đồng biếu thầy cũng không có, thầy tình nguyện dạy miễn phí cho tôi. Do nguyên nhân nào? Mười mấy năm sau, chúng tôi mới nghĩ ra, đối với thầy, tâm tôi có một phần cung kính. Tôi và thầy chẳng quen biết, tôi viết một lá thư gửi đến Ngài, thư viết bằng bút lông, dùng lối chữ Công Khải<sup>6</sup>, đúng quy củ viết một bức thư, gửi một bài văn cho thầy xem, bài văn ấy viết bằng lối chữ Tiểu Khải<sup>7</sup>, hết sức cung kính. Đại khái là trong trường học, người có tâm cung kính đối với thầy như thế rất ít. Vì thế, lần đầu tiên gặp mặt, thầy gọi tôi đến nói chuyện, hiểu rõ tình hình cuộc sống của tôi, hiểu rõ chí thú của tôi: Tôi ưa thích triết học, nhưng chưa hề học qua, chưa hề thân cận một vị thầy triết học nào, cũng chưa từng đọc những sách triết học nào, là một tờ giấy trắng. Đó là gì? Thầy thích nhất, chưa từng bị ô nhiễm. Vì thế, thầy chẳng cho tôi đến trường nghe kinh, sợ bị ô nhiễm. Đến trường nghe kinh, nhất định quen biết rất nhiều thầy và bạn học, sẽ bị ô nhiễm, thầy ngăn ngừa ô nhiễm! Đây là sư thừa Trung Quốc thời cổ, nghe lời dạy của một vị thầy mà thôi! Một vị thầy chỉ dạy quý vị, quý vị sẽ đi theo một con đường, có thể đạt thành tựu. Hai vị thầy là hai loại tư tưởng, hai phương hướng, có hai con đường! Ba vị thầy là ngã ba đường, bốn vị thầy là ngã tư, xong luôn! Vì thế, trường học hiện thời phiền phức lắm. Quý vị thấy mỗi ngày có bao nhiêu lớp, mấy vị thầy dạy quý vị, dạy đến nỗi quý vị hồ đồ! Nguyên nhân vì sao giáo sư David McMullen từ Cambridge đến kiểm tôi mà tôi không đi là ở chỗ này. Vì thế, phương pháp dạy học truyền thống của Trung Quốc thật là hay, đời nào cũng xuất hiện thánh hiền. Hiện nay chẳng có, vì ngay cả trẻ nhỏ cũng bị dạy đến mức rối tung, đầu óc bị dạy đến nỗi mê muội, hồ đồ. Vì thế, Trung Quốc từ xưa tới nay, cổ thánh tiên hiền dạy dỗ, nguyên tắc chỉ đạo giáo dục tối cao là: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đường lối giảng dạy quý ở chỗ chuyên tâm). Do vậy, ba vị thầy đối với tôi đều là chuyên, chẳng thể học tạp, học loạn mảy may nào, chắc chắn là chẳng thể! Tôi theo thầy Lý mười năm, những môn học được chỉ là đôi chút. Đó là gì? Vun bồi căn bản giáo dục. Tuy Ngài chẳng giảng giới luật vì Ngài là tại gia cư sĩ, Ngài bảo tôi đọc Ngũ Chung Di Quy, dùng Ngũ Chung Di Quy thay thế giới luật. Học giảng kinh, Ngài có mở lớp học, đối với hơn hai mươi bạn học [thuộc lớp ấy], Ngũ Chung Di Quy là một giáo trình các học trò học giảng kinh bắt buộc phải học. Hiện thời, hết sức khó khăn! Nếu muốn tìm được cơ duyên ấy thì thầy tìm trò, trò tìm thầy đều chẳng dễ dàng, cổ nhân bảo: “*Khả ngộ, bất khả cầu*” (chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu)!

---

6 Công Khải tức là loại chữ Khải (một trong bốn cách viết chữ Hán), chữ viết đầy đủ nét, rõ ràng, ngay ngắn, không viết tắt, dễ đọc, nên còn gọi là Chân Thư, Chánh Thư. Khải có nghĩa là khuôn mẫu, mực thước.

7 Tiểu Khải tức là lối chữ Khải viết chữ nhỏ. Thể loại này do Chung Diêu sáng chế vào đời Ngụy (thời Tam Quốc). Lối viết này thường được sử dụng thể hiện sự trang trọng, mực thước, không quá nhỏ, không quá lớn, gây cảm giác hài hòa, đẹp đẽ. Thường được mô tả là “*nét chữ trông như chim hồng bay lượn trên mặt biển*”. Khoảng cách giữa các dòng chữ phải cân đối, nét bút chặt chẽ, bay bướm, nhưng mực thước. Cỡ chữ phải đều nhau, rất khó viết, nên mỗi khi tỏ ý tôn kính ai, thường viết bằng chữ Tiểu Khải. Thuở ấy, người ta đã bắt đầu viết chữ Hán bằng bút chì, bút máy, hoặc bút nguyên tử (bút Bic), hầu như không ai sử dụng bút lông để viết nữa, nên lão pháp sư trịnh trọng dùng bút lông, viết thư theo lối chữ cổ để tỏ lòng cung kính, chân thành.

Tiếp đó, sách viết: “*Trí Độ Luận viết: Phật pháp đại hải, tín vi năng nhập*” (Trí Độ Luận nói: “Biển cả Phật pháp, do lòng tin có thể vào”). Phật pháp quả thật là đại hải, “hải” là Tánh hải. Giáo học Phật pháp nhằm trở về tự tánh, trở về tự tánh, quý vị sẽ đắc đại viên mãn. Không có cách nào hình dung sự đại viên mãn này. Nói đơn giản là như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, không có gì chẳng viên mãn. Sự viên mãn ấy chẳng do quý vị học được, mà vốn sẵn có trong tự tánh, chỉ cần kiến tánh sẽ thấy đều chứng đắc. Do vậy, người kiến tánh được gọi là Phật. Phật Phật đạo đồng, Phật Phật trí huệ giống nhau, đức năng giống nhau, tướng hảo giống nhau, không có gì khác nhau. Tuyệt đối chẳng thể nói vị Phật này biết nhiều hơn vị Phật kia một chút, không hề có, [các vị Phật đều] viên mãn. Chứng đắc của hết thấy chư Phật chẳng tăng, chẳng giảm. Thật ra, hết thấy chúng sanh chúng ta và Phật chẳng khác gì nhau, chỉ là mê mất tự tánh mà thôi. Ngày nào chúng ta buông mê hoặc, điên đảo xuống, quý vị sẽ thành Phật. Quý vị và chư Phật Như Lai chẳng sai biệt, pháp thế gian thông suốt toàn bộ, pháp xuất thế gian cũng thông suốt. Vì sao? Hết thấy các pháp chẳng lìa tự tánh, hết thấy các pháp đều là do tự tánh sanh và hiện, ngay cả những gì do A Lại Da biến ra, hết thấy đều hiểu rõ. Làm thế nào để có thể cầu được? “*Quý dĩ chuyên*”, hễ chuyên bèn có thể cầu được, còn tạp sẽ chẳng có cách nào! Phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Trong kinh Đại Thừa thường nói điều này, quý vị thấy: Buông chấp trước xuống, quý vị sẽ chứng quả A La Hán, thành Chánh Giác. Nếu buông phân biệt xuống, quý vị sẽ là Bồ Tát, thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu chẳng khởi tâm bất động niệm, quý vị sẽ chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là Phật. Minh tâm kiến tánh, đúng như Huệ Năng đại sư đã nói, chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không biết chữ, học hay chẳng học, mà liên quan đến buông xuống hay không! Dầu quý vị học cho nhiều, nhưng không buông xuống được, quý vị sẽ là học giả trong thế gian, chẳng thể nào sánh bằng bậc Tu Đà Hoàn trong Phật giáo, mà cũng chẳng được thụ dụng như bậc Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn có trí huệ, quý vị có trí thức, nhưng không có trí huệ. Nhất định phải hiểu rõ ràng điều này.

“*Hựu Hoa Nghiêm Kinh thuyết, tín vi thủ. Như nhân hữu thủ, chỉ trân bảo xứ, tùy ý thái thủ. Nhược nhân vô thủ, không vô sở hoạch. Khả kiến, tín giả nãi nhập pháp chi sơ môn, xả thủ mạc do*” (Kinh Hoa Nghiêm lại dạy: “Tín làm tay, như người có tay đến chốn trân bảo, tùy ý nhặt lấy. Người nếu không tay, không được thứ gì”. Rõ ràng, Tín là cửa đầu tiên để nhập pháp, bỏ Tín thì không cách nào nhập được). Tín rất trọng yếu! Vì thế, đại kinh, đại luận, đại kinh là Hoa Nghiêm, đại luận là Đại Trí Độ Luận, đều nói: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), ý nói: Cội nguồn của đạo là Tín, hết thấy các công đức đều là sanh từ tín tâm. Không tin, quý vị chẳng có công đức, có thể tu phước đức, nhưng chẳng có cách nào tu công đức. Công đức nhất định phải phát xuất từ tín tâm, chúng ta chớ nên không biết điều này. Chúng ta học Phật, có đạt thành tựu trong Phật pháp hay không? Nói thật ra, quý vị hãy chú tâm quan sát, quý vị có tin Phật hay không? Có tin pháp hay không? Có tin thiện tri thức hay không? Nếu đối với ba điều ấy mà lòng tin chẳng đủ, trong Phật môn, quý vị chỉ có thể tu được phước báo, phước đức, chẳng có công đức; nhưng phước đức chẳng thể giải quyết vấn đề! Phước đức có thể giải quyết cuộc sống trước mắt: Có phước báo, có thể đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, nhưng chẳng có may mắn dính dáng đến liễu sanh tử, thoát luân hồi, vãng sanh thành Phật. Phải biết điều này! Nhưng chuyện này đối với những người truy cầu tri thức mà nói thì cũng là chuyện

rất bình thường, họ nói sao? Đó là mê tín, chẳng hợp khoa học, họ chịu thua thiệt rất lớn. May sao, trong hiện tại, Lượng Tử Lực Học xuất hiện, đây là ngành khoa học mới xuất hiện, tôi tin trong năm năm nữa, nó sẽ phổ biến. Từ những phát hiện của Lượng Tử Lực Học, những nguyên lý và nguyên tắc do đức Phật đã giảng đều được chứng thực. Trước hết, họ chứng minh một chuyện: Vũ trụ xuất hiện trong sát-na, từ Không mà sanh Có. Cách nói này hết sức gần với Phật pháp. Trên thực tế, chẳng phải là từ Không sanh ra Có, mà là một niệm bất giác, tự tánh biến hiện một A Lại Da. A Lại Da là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa), từ A Lại Da xuất hiện vũ trụ vạn vật, sanh mạng, kể cả bản thân chúng ta. Điều này rất gần gũi. Vì thế, những điều này có lợi. Có thể thấy: Tín là sơ môn để nhập pháp, bỏ lia lòng tin sẽ không có cách nào [nhập đạo].

“*Hựu vi nhiếp pháp chi thượng thủ, cố vân: Tài nhập tín môn, tiện đăng tổ vị*” (Tín lại là điều quan trọng nhất để gồm thâu các pháp (lãnh hội các pháp), nên có câu: “Vừa vào cửa Tín, liền lên địa vị Tổ”). Đây là nói đến Chân Tín. Vì sao Huệ Năng đại sư nghe Ngũ Tổ nói mấy câu bèn khai ngộ? Chẳng có gì khác, lòng thành tín đã đạt tới viên mãn, cho nên vừa được chỉ điểm bèn thông suốt. Vì sao nay chúng ta chẳng thể? Trong tín tâm của chúng ta xen tạp hoài nghi, chẳng phải hoàn toàn là thành tín, mức độ tin tưởng chẳng đủ! Trong đây có đại học vấn! Tín tâm viên mãn dẫn đến thành tựu viên mãn. Tín tâm cũng chẳng dễ dàng sanh khởi! Đặc biệt là đối với khoa học hiện thời. Các nhà khoa học theo đuổi hoài nghi, hoàn toàn trái nghịch với đường lối nhập đạo của nhà Phật. Trong Phật pháp, may mắn hoài nghi cũng chẳng thể có. Quý vị có một phần hoài nghi, sẽ có một phần chướng ngại. Có mười phần hoài nghi, sẽ có mười phần chướng ngại. Chúng ta chia tín tâm thành một trăm phần, tín tâm viên mãn một trăm phần, sẽ lập tức có thể thành Phật, ở đây nói là: “*Tài nhập Tín môn, tiện đăng tổ vị*”, Huệ Năng đại sư là một ví dụ! Tín tâm một trăm phần, có mười phần tin tưởng là đã khá lắm, cũng rất khó có! Tôi theo mấy vị thầy, tôi nghĩ khi ấy thầy thấy tôi tín tâm bất quá được mười phần mà thôi, một trăm phần chỉ được mười phần. Nếu tôi là một trăm phần trăm, tôi sẽ giống như Huệ Năng đại sư, thành Phật, thật sự chẳng sai tí nào! Chúng ta phải nâng cao bản thân như thế nào, phải làm cho lòng tin sâu đậm hơn như thế nào? Tín tâm liên quan đến đọc tụng Đại Thừa. Nay quý vị nghe một bộ kinh này, có thể thật sự nghe bộ kinh này đến ba ngàn lượt, tín tâm của quý vị tôi thiếu có thể đạt tới hai ba chục phần trăm, sẽ có năng lực lãnh ngộ kha khá, Giới - Định - Huệ sẽ dần dần hình thành. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.